

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Điều chỉnh, Gia hạn lần 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2012/TT-BTNMT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016, được bổ sung một số điều tại Thông tư 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong Hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, Hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định quy trình, phương pháp xác định và các biểu mẫu thống kê sản lượng khai thác thực tế; thực hiện báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 98/GP-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2011 được điều chỉnh tại Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2015 và được gia hạn tại Giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn số 249/GP-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản và Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Xi nghiệp Xây dựng Đức Tiến nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 529/TTr-STNMT ngày 09 tháng 11 năm 2020 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh và gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản số 98/GP-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Xí nghiệp Xây dựng Đức Tiến khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ thuộc thôn Đông Lốc, xã Đăk Man, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum như sau:

1. Điều chỉnh các thông số cơ bản tại Điều 1 của Giấy phép:

- Diện tích khu vực khai thác: 3,1 ha; trong đó diện tích đã khai thác 0,8 ha; diện tích còn lại 2,3 ha được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 có tọa độ xác định theo Phụ lục số 01 và Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo Giấy phép này.

- Trữ lượng khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường được phép đưa vào thiết kế khai thác 631.080 m³ ở thể tự nhiên (Cấp 121: 271.440 m³; Cấp 122: 359.640 m³), quy về trữ lượng địa chất ở thể nguyên khai 930.843 m³.

- Trữ lượng địa chất ở thể nguyên khai đã khai thác (đến 31 tháng 8 năm 2020): 277.444 m³.

- Trữ lượng địa chất ở thể nguyên khai tiếp tục khai thác: 599.538,75 m³.

- Công suất khai thác: 35.000 m³ đá nguyên khai/năm (tương ứng trữ lượng địa chất nguyên khai huy động khai thác hàng năm là 38.889 m³).

- Mức sâu khai thác tối đa: Coste + 900 m.

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

2. Gia hạn thời hạn khai thác đến ngày 31 tháng 01 năm 2036 (lưu ý sau thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2030 doanh nghiệp chỉ được phép khai thác khoáng sản khi điểm mỏ tiếp tục được quy hoạch).

Điều 3. Xí nghiệp Xây dựng Đức Tiến có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Khai thác khoáng sản theo đúng phương pháp, quy trình kỹ thuật, tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này, đồng thời thực hiện đúng, đầy đủ các biện pháp nhằm bảo vệ tài nguyên khoáng sản, các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn trong khai thác mỏ, an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động và các quy định khác có liên quan của pháp luật về khoáng sản;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ, nếu phát hiện khoáng sản mới phải báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép; báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Thực hiện thống kê, kiểm kê sản lượng khoáng sản khai thác thực tế theo đúng Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quy định quy trình, phương pháp xác định và các

biểu mẫu thống kê sản lượng khai thác thực tế; thực hiện báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Thực hiện việc lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác; lắp đặt camera giám sát tại các kho chứa để lưu trữ thông tin, số liệu liên quan theo quy định tại Khoản 2, Điều 42 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ.

4. Đảm bảo quyền lợi của người dân nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

5. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 98/GP-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2011, Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2015 và Giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn số 249/GP-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. Thực hiện các thủ tục về môi trường, Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Kết thúc khai thác, thực hiện đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số 98/GP-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2011, Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2015 và Giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn số 249/GP-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đăk Gle, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng Đức Tiến chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (*bản chính*);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (*bản chính*);
- Xí nghiệp Xây dựng Đức Tiến (*bản chính*);
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (*bản sao*);
- Cục Kiểm soát Hoạt động KS miền Trung (*bản sao*);
- Sở Công Thương, Sở Xây dựng (*bản sao*);
- UBND huyện Đăk Gle (*bản sao*);
- UBND xã Đăk Man, huyện Đăk Gle (*bản sao*);
- Lưu: VT, NNTN.HVT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Tháp